

Số: /KH-UBND

Hậu Giang, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Năm 2023, tỉnh Hậu Giang đã cơ bản thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hậu Giang về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

a) Ngày Chuyển đổi số

Hậu Giang đã quyết định chọn Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10 hàng năm) làm Ngày Chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang. Để hưởng ứng Ngày Chuyển số, Tỉnh đã triển khai các hoạt động như: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023; triển khai kho dữ liệu điện tử để người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; mô hình thanh toán trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Tỉnh...

Để lan tỏa nội dung, thông điệp Ngày Chuyển đổi số đến các cấp chính quyền, Tỉnh đã tổ chức Hội nghị trực tiếp, trực tuyến 3 cấp với hơn 5.240 người tham gia.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Năm 2023, Hậu Giang thành lập Khu Công nghệ số với diện tích 28,58 ha. Đây sẽ là nơi thu hút các doanh nghiệp công nghệ số và khi đi vào hoạt động sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển hệ sinh thái công nghệ trên địa bàn Tỉnh, góp phần vào sự hình thành nguồn lực tri thức số, công nghệ số phục vụ Chiến lược An ninh mạng quốc gia nói chung và Hậu Giang nói riêng. Đến nay, Tỉnh đã cấp chứng nhận đầu tư, giấy phép kinh doanh cho 08 doanh nghiệp. Ngoài ra, nhằm tăng cường thu hút các doanh nghiệp công nghệ số vào Khu Công nghệ số tỉnh, trong khuôn khổ tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2023, Tỉnh tổ chức hội thảo xúc tiến đầu tư phát triển Khu Công nghệ số với hơn 80 đại biểu trong và ngoài tỉnh tham dự.

Tổ chức phong trào thi đua: Tiếp nối thành công của năm 2022, năm 2023 Tỉnh tiếp tục phát động phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang tham gia Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Tỉnh với mục tiêu huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chủ động, tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số toàn dân, toàn diện nhằm cải thiện tỷ lệ nộp dịch vụ trực tuyến toàn trình hoặc một phần (nộp từ xa trên môi trường mạng). Đồng thời, hình thành thói quen cho người dân trong thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến; đồng thời, hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số, tạo khí thế thi đua sôi nổi, thúc đẩy mỗi doanh nghiệp, hộ gia đình, người dân tham gia các hoạt động trên môi trường số. Đến nay, nâng tỷ lệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh: 125.323/141.989 hồ sơ đạt 88,3%; đồng thời, thực hiện 281.325/426.585, đạt 66% dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử.

c) Truyền thông về chuyển đổi số

Đã triển khai 100% cán bộ, công chức, viên chức, Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tham gia Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên nền tảng Zalo. Hiện nay, 100% UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Tỉnh thành lập trang Zalo OA để phục vụ công tác truyền thông về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

a) Ban hành nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số

Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, bao gồm 01 Nghị quyết, 14 Quyết định, 07 Kế hoạch, cụ thể:

(1) Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Các văn bản UBND tỉnh ban hành:

(2) Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 27/12/2022 về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

(3) Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang.

(4) Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về việc phê duyệt Đề án thành lập Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang.

(5) Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

(6) Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 21/02/2023 về tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2023.

(7) Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 về việc công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(8) Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hậu Giang.

(9) Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang.

(10) Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 về việc phê duyệt bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(11) Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(12) Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 tập thể, đạt hạng Nhất, Nhì, Ba trong phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang tham gia chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” năm 2022.

(13) Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 41 tập thể và 67 cá nhân, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang tham gia chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” năm 2022.

(14) Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang thành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh Hậu Giang.

(15) Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang được phê duyệt kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh.

(16) Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 09/6/2023 về việc đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

(17) Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 19/6/2023 về nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

(18) Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 21/8/2023 về phát động phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang nộp dịch vụ công trực tuyến” năm 2023.

(19) Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 17/10/2023 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025.

(20) Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 27/10/2023 về cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025.

(21) Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về việc công bố Danh mục TTHC thí điểm không tiếp nhận hồ sơ giấy thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh Hậu Giang.

(22) Quyết định số 72/QĐ-BCĐ ngày 11/12/2023 về việc kiện toàn Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang.

b) Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

Ban Chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát, đôn đốc các nội dung đã đề ra trong Kế hoạch số 219/KH-UBND. Kịp thời kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo, đồng thời thành lập và phân công Tổ công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo⁽¹⁾. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại các văn bản:

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

- Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023.

⁽¹⁾ Quyết định số 55/QĐ-BCĐ ngày 25/4/2023 của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh về việc thành lập Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 57/QĐ-BCĐ ngày 04/5/2023 của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh về việc phân công nhiệm vụ của Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 72/QĐ-BCĐ ngày 11/12/2023 của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh về việc kiện toàn Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang.

3. Hạ tầng số

Trung tâm dữ liệu tỉnh đã đầu tư và thuê dịch vụ cung cấp hạ tầng phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của Tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông vận hành, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số địa phương như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP) với 02 máy chủ ảo; Cổng dịch vụ công và Một cửa điện tử với 16 máy chủ ảo; Ứng dụng di động Hậu Giang với 03 máy chủ ảo; Hệ thống hợp không giấy với 02 máy chủ vật lý; Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy với 04 máy chủ ảo. Về mặt lưu trữ, tổng dung lượng lưu trữ đạt gần 29 TB.

Bên cạnh đó, Trung tâm dữ liệu tỉnh đã cung cấp hạ tầng phục vụ vận hành hệ thống thông tin tác nghiệp cho sở, ban, ngành:

- Quản lý cán bộ công chức, viên chức với 02 máy chủ ảo (Sở Nội vụ).
- Phần mềm quản lý khiếu nại với 02 máy chủ ảo (Công an tỉnh).
- Quản lý thi đua khen thưởng với 01 máy chủ ảo (Sở Nội vụ).
- Cơ sở dữ liệu về công chứng với 01 máy chủ ảo (Sở Tư pháp).
- Phần mềm IOC với 02 máy chủ ảo (Sở Thông tin và Truyền thông).
- Phần mềm Cơ sở dữ liệu giá với 02 máy chủ (Sở Tài chính).
- Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư với 02 máy chủ (Sở Tài chính).
- Quản lý đề tài/Dự án khoa học Công nghệ với 01 máy chủ ảo (Sở Khoa học và Công nghệ).
- Phần mềm Nông nghiệp với 02 máy chủ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Dữ liệu số

- Tỉnh đã khai thác, sử dụng 28⁽²⁾ cơ sở dữ liệu (CSDL) của các bộ, ngành; xây dựng 11⁽³⁾ cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số tại địa phương. Bên cạnh đó, Tỉnh đã đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở tỉnh Hậu Giang tại

⁽²⁾ CSDL quản lý thống kê ngành nội vụ; CSDL quốc gia về khiếu nại tố cáo; CSDL quan trắc; CSDL Lý lịch tư pháp; Hệ thống đăng ký khai sinh điện tử; CSDL quốc gia về văn bản pháp luật; CSDL quản lý hồ sơ quốc tịch; Hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến; CSDL thông tin liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ; CSDL quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; CSDL quản lý hộ nghèo; CSDL quản lý trẻ em; CSDL quản lý cung cầu lao động; Hệ thống đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống đăng ký hộ cá thể; CSDL thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Hệ thống đấu thầu quốc gia; CSDL quản lý thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; Hệ thống quản lý ngân sách PMIS; Hệ thống cấp mã số quan hệ ngân sách; Hệ thống báo cáo tài chính; CSDL quản lý lưu trữ; CSDL đề tài dự án khoa học công nghệ; CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; CSDL khám chữa bệnh; cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ sức khỏe người dân; CSDL quầy thuốc/nhà thuốc; CSDL quản lý Y tế cơ sở; CSDL dân cư.

⁽³⁾ Phần mềm Quản lý văn bản; Cổng thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội; AppHauGiang; Cơ sở dữ liệu khiếu nại; Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang; Phần mềm Quản lý thi đua - Khen thưởng; Cơ sở dữ liệu quản lý lưu trữ lịch sử; Cơ sở dữ liệu quản hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; Phần mềm luân chuyển hồ sơ đất đai.

địa chỉ <https://data.haugiang.gov.vn>, với 24 cơ sở dữ liệu dùng chung được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 27/10/2023 về cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025. Các cơ sở dữ liệu này sẽ hỗ trợ cho việc thu thập, lưu trữ và truy xuất thông tin một cách hiệu quả, từ đó đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

- Tỉnh đã triển khai Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, đã kết nối với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đang thực hiện kiểm thử chức năng tái sử dụng tài liệu số hóa.

5. Nền tảng số

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP: Nền tảng LGSP tỉnh triển khai từ năm 2020 đã kết nối với Trục tích hợp liên thông quốc gia NGSP và đồng bộ dữ liệu từ các cơ quan Trung ương như: CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật, Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp), Kết nối với các hệ thống thông tin trong Tỉnh như: Ứng dụng di động Hậu Giang, Phần mềm IOC, Dịch vụ công - Một cửa điện tử, Hệ thống quan trắc chất lượng không khí, chất lượng nước,... Tính đến nay đã có 115 dịch vụ API được triển khai trên Nền tảng, 05 đơn vị đăng ký sử dụng API, hơn 1,5 triệu lượt giao dịch/năm qua Nền tảng.

- Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) kết nối các hệ thống: Dịch vụ công tỉnh, Phản ánh hiện trường tỉnh, Quan trắc môi trường tỉnh (chất lượng không khí, chất lượng nước), Phần mềm giám sát điều hành (Báo cáo Kinh tế - xã hội tỉnh), Camera xử lý phân tích hình ảnh, Hệ thống giám sát phân tích thông tin trên môi trường mạng,...

- Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh (Hệ thống Quản lý văn bản của tỉnh): Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh được triển khai đến tất cả các sở, ngành, đơn vị trực thuộc, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn với gần 450 đơn vị sử dụng, số lượng người sử dụng hơn: 6.000 tài khoản.

- Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới: Hoàn thành nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của Tỉnh đến cấp xã, khả năng họp cùng lúc 100 điểm cầu. Bao gồm các đơn vị cấp tỉnh và 08 đơn vị cấp huyện, 75 đơn vị cấp xã (giải pháp họp trực tuyến bằng thiết bị Polycom, máy chủ đặt tại Văn phòng UBND tỉnh; tại các điểm UBND tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã đều được trang bị thiết bị cứng). Đến nay, hệ thống hoạt động ổn định, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại của các đơn vị, đảm bảo tính tức thời, linh hoạt trong hoạt động quản lý, điều hành.

- Nền tảng giám sát dữ liệu trực tuyến: Đã triển khai sử dụng hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên môi trường mạng giúp phát hiện và xử lý các thông tin xấu, độc; đồng thời, theo dõi, đánh giá các hoạt động, chính sách được triển khai tại địa phương; góp phần tăng cường công tác quản lý, kiểm soát an toàn, an ninh thông tin và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội tại tỉnh Hậu Giang; giúp nắm bắt được thông tin người dân phản ánh về chính quyền; chính quyền giám sát thông tin trực tuyến về trật tự xã hội, các vấn đề nóng của địa phương; chính quyền giám sát thông tin về những hành vi chống phá Nhà nước thông qua mạng xã hội và báo chí.

Ngoài ra, Tỉnh còn triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung với quy mô 1.500 máy tính, mỗi máy tính được cài phần mềm giám sát mã độc (giải pháp của tập đoàn công nghệ CMC). Thông qua hệ thống giám sát tập trung có thể biết được tình trạng lây nhiễm các mã độc và kết quả xử lý trên các máy tính trạm.

- Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp: Đã triển khai nền tảng hướng dẫn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho người dân về TTHC tại tổng đài trợ lý ảo qua số 1900866895.

- Nền tảng trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức: Được triển khai tích hợp với Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức có thể tìm kiếm các nội dung liên quan đến vấn đề đang tìm hiểu thông qua hỏi - đáp với trợ lý ảo, giúp nâng cao hiệu quả xử lý công việc, tiết kiệm thời gian và tổng hợp thông tin đầy đủ hơn.

- Nền tảng điện toán đám mây: Từ năm 2020, Tỉnh đã triển khai Nền tảng điện toán đám mây (Private Cloud) do tập đoàn VNPT cung cấp, bao gồm các hạ tầng: 20 máy chủ ảo hóa, 120Gb CPU, 264Gb RAM, dung lượng lưu trữ 14TB; vận hành các hệ thống dùng chung của Tỉnh gồm: Máy chủ ứng dụng, máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ xác thực tập trung (SSO), Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP, Thư điện tử tỉnh.

- Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC): Đã triển khai nền tảng giám sát an toàn thông tin SOC, đã kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia phục vụ hoạt động hỗ trợ giám sát, phòng chống tấn công mạng và điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin. Nền tảng đang giám sát cho 34 đơn vị, gồm các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.

6. Nhân lực số

- Tổng số cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn là 754 người. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh có chứng chỉ ứng dụng

công nghệ thông tin (CNTT) theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B đạt 100%; 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có trình độ đại học trở lên.

- Công tác đào tạo, tập huấn: Tỉnh tiếp tục quan tâm, đảm bảo phát triển nguồn nhân lực CNTT đủ năng lực và trình độ khai thác các hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin phục vụ triển khai Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, trong đó đẩy mạnh việc đào tạo, tập huấn phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại địa phương. Toàn Tỉnh có 525 Tổ Công nghệ số cộng đồng với trên 3.740 thành viên, lực lượng này là nòng cốt để thúc đẩy chuyển đổi số trong Nhân dân.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 09/6/2023 về đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023. Chương trình đào tạo với 10 lớp tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số năm 2023 với tổng số 698 học viên, dành cho lãnh đạo, công chức, viên chức các sở, ban, ngành tỉnh và lãnh đạo HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

7. An toàn thông tin mạng

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) được triển khai cho 34 cơ quan, đơn vị, đã kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng Quốc gia (NCSC) đáp ứng yêu cầu giám sát, chia sẻ thông tin, góp phần đảm bảo an toàn thông tin giúp Tỉnh rút ngắn 90% khối lượng và thời gian triển khai mô hình 4 lớp, nâng cao năng lực đảm bảo an toàn thông tin mạng. Ngoài ra, Tỉnh còn có Hệ thống phòng chống mã độc tập trung được triển khai cho 31 cơ quan, đơn vị với gần 1.500 máy được cài đặt, các thông tin về tình hình lây nhiễm mã độc được truyền liên tục về Sở Thông tin và Truyền thông và Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tỉnh có 25 hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, trong đó có 16 hệ thống thông tin cấp độ 2 và 09 hệ thống thông tin cấp độ 3. Tất cả các hệ thống đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức diễn tập thực chiến trên hệ thống thật với hơn 60 đại biểu là đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh Hậu Giang.

8. Chính quyền số

a) Triển khai các ứng dụng dùng chung trên địa bàn Tỉnh

- Hợp trực tuyến: Hệ thống hội nghị truyền hình tại Tỉnh hiện có 09 điểm họp, sử dụng trang thiết bị phần cứng chuyên dụng tại UBND tỉnh, 08 điểm tại UBND huyện, thị xã, thành phố và 75 điểm tại UBND xã, phường thị trấn. Với hơn 100 điểm cầu từ tỉnh xuống đến cấp xã là một hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hoàn chỉnh, chạy trên đường truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo chất lượng họp và việc quản trị vận hành đơn giản, thuận tiện.

- Hệ thống phòng họp không giấy: Tỉnh xây dựng hệ thống phòng họp không giấy triển khai đến các cơ quan trên địa bàn Tỉnh, đồng thời trang bị 320 máy tính bảng và phần mềm phục vụ họp không giấy tại trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh và UBND cấp huyện (08 huyện, thị xã, thành phố).

- Xử lý văn bản điện tử: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tỉnh đã triển khai đến 03 cấp chính quyền, có 569 đơn vị sử dụng với hơn 7.064 người sử dụng. Tỷ lệ văn bản được ký số trên hệ thống 99%.

- Giải quyết TTHC trực tuyến: Vận hành và sử dụng Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Hậu Giang tại địa chỉ: <https://dichvucong.haugiang.gov.vn>. Số lượng cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ trên Cổng dịch vụ công là 1.435 dịch vụ công (trong đó đã tích hợp 235 DVC toàn trình, 1.200 DVC một phần) để phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện TTHC không tiếp xúc với cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước; tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia 1.198 DVC (trong đó đã tích hợp 189 DVC toàn trình và 1.017 DVC một phần). Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến đạt 88,3% (chỉ tính trên các thủ tục mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ).

- Thanh toán dịch vụ không dùng tiền mặt: Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Hậu Giang đã tích hợp thanh toán trực tuyến với hệ thống thanh toán trực tuyến KEYPAY, PAYGOV và PAYMENT PLATFORM cho tất cả các dịch vụ công trực tuyến có thu phí. Đến nay, mở rộng dịch vụ thanh toán phí và lệ phí trực tuyến, không cần đến trực tiếp cơ quan để giải quyết thủ tục hành chính; các dịch vụ của các đơn vị như: điện, nước, cước viễn thông, thanh toán qua tài khoản ngân hàng, mobilemoney..., đã được triển khai trên địa bàn Tỉnh.

- Hệ thống thư điện tử tỉnh: Cấp 11.644 tài khoản, trên 97% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trao đổi công việc. Đây cũng là hệ thống xác thực tập trung (SSO - Single Sign On) trong kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang.

- Ứng dụng di động Hậu Giang: Cho phép người dân tra cứu thông tin về lịch công tác, thời tiết, thị trường và tương tác với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh thông qua dịch vụ phản ánh hiện trường. Hiện đã có hơn 83.600 lượt tải về, tỷ lệ hài lòng của người dân đối với kết quả xử lý phản ánh hiện trường của cơ quan nhà nước ngày một tăng cao, đạt trên 90%.

b) Ưu tiên chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực

- **Về ngành Giáo dục và Đào tạo:** Tỉnh đang xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Các hệ thống do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp cho 315/315 trường, trang bị phần mềm quản lý trường học cho 315/315 trường phục vụ cho công tác quản lý, các phần mềm đã thực hiện đồng bộ dữ liệu qua dịch vụ API; triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến VNPT-eLearning và giải pháp dạy và học trực tuyến mobiEdu mSchool; hệ thống quản lý Dạy-Học-Thi trực tuyến K12online.vn; Triển khai tập huấn sử dụng phần mềm giáo dục, ôn luyện, kiểm tra đánh giá trực tuyến ONLUYEN.VN; cung cấp phiên bản điện tử sách giáo khoa, học liệu hỗ trợ dạy học trực tuyến cho các cơ sở giáo dục từ lớp 1 đến lớp 12; xây dựng 230 video bài giảng trên truyền hình nội dung cốt lõi Môn Toán và Tiếng Việt lớp 1, lớp 2 trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học tỉnh Hậu Giang; tổ chức phát sóng bài giảng cho học sinh lớp 1 và lớp 2 trên truyền hình; tổng hợp, chia sẻ bài giảng cấp trung học, giáo dục thường xuyên làm tư liệu dùng chung cho giáo viên tỉnh Hậu Giang.

- **Về lĩnh vực y tế:** Tỉnh đang xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Y tế.

+ Đã triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa 4/13 cơ sở chữa bệnh⁽⁴⁾, đạt 30,77%.

+ Tiếp nhận khám bệnh bằng thẻ căn cước công dân có gắn chip: 100% cơ sở khám bệnh công lập trên địa bàn Tỉnh kể cả Trạm y tế xã, phường, thị trấn đã triển khai tiếp nhận đăng ký khám bệnh bằng thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử (quét thẻ hoặc nhập số căn cước).

+ 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế trực tuyến. Tất cả quy trình khám bệnh, từ tiếp đón, thăm khám, cận lâm sàng, kê toa thuốc thu phí (nếu có) đều thực hiện trên phần mềm không còn ghi giấy. 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện đáp ứng các quy định theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

+ 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai kê đơn thuốc điện tử (53 cơ sở khám chữa bệnh đã cấp mã liên thông, 21 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông gửi đơn thuốc về hệ thống, 325 bác sĩ đã cấp mã liên thông kê đơn thuốc điện tử).

+ 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai hóa đơn điện tử.

⁴ Bệnh viện Sản Nhi, BVĐK thành phố Ngã Bảy, Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ, Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy.

+ 7/13 cơ sở y tế hạng III trở lên triển khai thanh toán không dùng tiền mặt⁽⁵⁾. Về kết quả thực hiện không đạt, chỉ phát sinh một vài trường hợp sử dụng. Mặt khác các ngân hàng chưa phối hợp với ngành Y tế triển khai, vì lượng khách hàng tiềm năng không có nhiều, nên không đầu tư các thiết bị có liên quan.

+ 75/75 Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực triển khai phần mềm quản lý trạm y tế theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn; tất cả hệ thống sổ sách tuyến xã nhập, xuất trực tiếp trên phần mềm (không còn ghi giấy).

+ 75/75 Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử. Đến thời điểm hiện tại đã lập và quản lý được 678.288 hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt 92,40% dân số toàn Tỉnh.

+ 100% cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh áp dụng dụng phần mềm báo cáo thống kê điện tử, các báo cáo thống kê y tế định kỳ 3, 6, 9, 12 tháng theo quy định của Bộ Y tế (từ tuyến xã đến tuyến tỉnh) nhập báo cáo trực tiếp trên phần mềm còn gửi báo cáo giấy hoặc thư điện tử.

+ 100% nhà thuốc, quầy thuốc đã triển khai phần mềm quản lý bán thuốc theo toa.

- **Về nông nghiệp:** Tỉnh đang xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp.

+ Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp⁽⁶⁾. Các mô hình này bước đầu làm nền tảng giúp nông dân dần ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao nhận thức của người dân theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất tại địa phương, giúp người dân nâng cao giá trị, chất lượng nông sản theo hướng an toàn, giúp người dân chủ động sản xuất hơn trong tình trạng biến đổi khí hậu phức tạp như hiện nay.

+ Xây dựng và đưa vào vận hành Sàn giao dịch và truy xuất nguồn gốc “Nông sản Hậu Giang” với tên miền: <https://nongsanhaugiang.com.vn>, ứng dụng trên điện thoại là Agri360 (NS Hậu Giang). Mục đích của “Sàn giao dịch và truy xuất nguồn gốc” này giúp nông dân có điều kiện thuận lợi để ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc nông sản. Các tổ chức, cá nhân có thể tự đăng ký tài khoản trên trang Nông sản Hậu Giang; ghi chép nhật ký điện tử trong

⁽⁵⁾ BV Sản nhi, BVĐK Ngã Bảy, BVĐK số 10, Võ Trường Toản, các: TTYT huyện Long Mỹ, TX Long Mỹ, Phụng Hiệp.

⁽⁶⁾ Mô hình sử dụng thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp; Mô hình sử dụng hệ thống tưới phun tự động thích ứng với tình trạng hạn hán trong vườn cây ăn trái; Mô hình trồng rau màu trong nhà lưới an toàn vệ sinh thực phẩm; Mô hình ứng dụng máy sạ định vị như cây trong sản xuất lúa chất lượng cao; Trồng rau trong nhà lưới theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

hoạt động và sản xuất; tạo mã truy xuất nguồn gốc nông sản của mình thông qua mã QRCode; đưa sản phẩm lên sàn giao dịch để quảng bá, tăng cơ hội tiếp cận các doanh nghiệp thu mua sản phẩm,... Đến nay đã có trên 3.476 tổ chức và cá nhân đăng ký tài khoản sử dụng. Có trên 573 nông sản, sản phẩm của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia trên sàn, giải quyết vấn đề truy xuất nguồn gốc nông sản, tăng cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp và góp phần giải quyết đầu ra nông sản của nông dân. Đã hỗ trợ trên 28.000 tem truy xuất nguồn gốc cho các hộ cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác góp phần nâng cao thêm giá trị cho các nông sản, sản phẩm chủ lực của Tỉnh.

- **Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường:** Tỉnh đang xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

9. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP năm 2022 đạt 5,70%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ: 4,7 tỷ/13.838 tỷ.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử: 07 doanh nghiệp/2.700 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số: 100%.
- Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động chiếm gần 2%.

10. Xã hội số

- Hậu Giang có 525 ấp, khu vực và thành lập 525 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại ấp, khu vực với 3.740 thành viên tham gia, lực lượng này là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và đến ấp, khu vực với mục tiêu đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân, trong đó phổ cập kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng và người dân tại các địa phương với hơn 450.000 người; hỗ trợ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng (thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 65%).

- Một số chỉ tiêu cơ bản:

- + Tỷ lệ dân trưởng thành có điện thoại thông minh: 75%.
- + Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số 84%.
- + Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang: 61%.
- + Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt trên 66%.
- + Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử: 84%.

+ Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở): 100%.

+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở): 100%.

- Tổ chức thành công Ngày Chuyển đổi số (10/10/2023): Hưởng ứng sâu rộng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia, Hậu Giang phát động phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang nộp dịch vụ công trực tuyến” năm 2023. Cùng với đó, Hậu Giang tổ chức Hội nghị trực tiếp, trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã hưởng ứng Ngày chuyển đổi số năm 2023 với hơn 5.240 người tham gia.

- Triển khai cấp chứng thư số công cộng: Tỉnh phối hợp với các nhà mạng VNPT Hậu Giang, Viettel Hậu Giang tổ chức Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác cung cấp chữ ký số công cộng cho người dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đến nay, đã cấp trên 24.000 chứng thư số công cộng cho người dân.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

Quá trình chuyển đổi số của Tỉnh còn một số khó khăn, hạn chế: Thiếu nguồn nhân lực nội bộ để ứng dụng CNTT trong chuyển đổi số; Chuyển đổi số đặt ra nhiều thách thức cả về kinh tế và xã hội, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trên không gian mạng, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều khó khăn, thách thức,...

2. Đề xuất, kiến nghị về Bộ Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn thực hiện thí điểm “Làng số” tại địa phương nhằm hướng tới mục tiêu thu hẹp khoảng cách giữa khu vực nông thôn và thành thị, nâng cao kỹ năng số cho người dân, quảng bá các sản phẩm và các nét văn hóa đặc trưng của nơi mình sống trên môi trường số.

- Tiếp tục hỗ trợ tỉnh Hậu Giang đào tạo nguồn nhân lực CNTT, an toàn an ninh mạng, chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh. Đề xuất các giải pháp công nghệ hay áp dụng cho Tỉnh trong quá trình chuyển đổi số, từng bước nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh.

- Hỗ trợ địa phương về chuyên môn, kinh phí, giải pháp, công nghệ và nền tảng số để địa phương từng bước triển khai chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030”.
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0.
- Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.
- Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 02/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (khóa XIV) xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 10/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang triển khai thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng;

- Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua Đề án xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025;

- Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0.

- Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 20/10/2021 UBND tỉnh Hậu Giang về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/10/2021 UBND tỉnh Hậu Giang hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 04/7/2022 UBND tỉnh Hậu Giang về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Hậu Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

- Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025.

- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Từng bước hoàn thiện nền tảng hạ tầng số, nền tảng ứng dụng số phục vụ xây dựng chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; phục vụ người dân và doanh nghiệp; ưu tiên thực hiện chuyển đổi số một số lĩnh vực.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn Tỉnh phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin.

3. Triển khai các nền tảng: Quản trị tổng thể nhằm hỗ trợ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý điều hành; Nền tảng quản lý, điều hành chuyên môn nghiệp vụ; Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu; Nền tảng kết nối giữa người dân và chính quyền; Kết nối chia sẻ dữ liệu qua Cổng dữ liệu mở; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Tỉnh với NDXP và các nền tảng của Trung ương nhằm hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh.

4. Duy trì và nâng cao thứ hạng chuyển đổi số của Tỉnh theo bảng xếp hạng của Bộ Thông tin và Truyền thông về chỉ số chuyển đổi số (DTI) và chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT và truyền thông (Vietnam ICT Index).

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đảm bảo vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực; đào tạo kỹ năng chuyển đổi số; phân tích dữ liệu và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cùng tham gia chuyển đổi số để phát triển kinh tế - xã hội.

6. Đảm bảo an toàn thông tin trên các nền tảng số; bảo vệ thông tin cá nhân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

Đa dạng các hình thức thông tin tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về nhận thức số, cụ thể như:

- Phát huy hiệu quả hoạt động các trang Zalo OA tại địa phương, các chuyên mục chuyển đổi số tại các Cổng/trang thông tin điện tử sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện; phát huy hiệu quả hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua về chuyển đổi số tại địa phương, nhằm phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công.

- Tổ chức các lớp đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn có nhận thức và có kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng ấp, khu vực qua nền tảng trực tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2024 theo Chủ đề do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động; Ngày hội Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024.

2. Thể chế số

- Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, văn bản quy định, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành để xây dựng chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin (văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật; quy định; quy chế,...).

- Rà soát, xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung các quy chế khai thác, vận hành các hệ thống thông tin do Tỉnh quản lý theo quy định và phù hợp với điều kiện tình hình thực tế.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số: Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch và ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cho các quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh năm 2024.

3. Hạ tầng số

- Rà soát thông tin về hộ gia đình chưa có điện thoại thông minh trên địa bàn Tỉnh, làm cơ sở đề nghị hỗ trợ điện thoại thông minh từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, tiến đến mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

- Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng, phối hợp các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn rà soát các khu vực khó khăn chưa triển khai đường cáp quang đến, để có lộ trình, giải pháp triển khai phù hợp.

- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh: Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh để đáp ứng yêu cầu vận hành và lưu trữ tại Tỉnh đối với một số hệ thống thông tin dùng chung của Tỉnh đã được triển khai và một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Tỉnh sẽ được triển khai trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

- Xây dựng mạng diện rộng của Tỉnh đáp ứng việc triển khai các ứng dụng dùng chung của Tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, tổ chức; xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý thông minh về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Vị Thanh; triển khai thuê dịch vụ điện toán đám mây và các dịch vụ liên quan (đường truyền riêng, giải pháp an toàn, bảo mật thông tin, lưu trữ, dự phòng...).

4. Dữ liệu số

- Phát triển cơ sở dữ liệu ngành: Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu về: Nông nghiệp; Giáo dục; Tài nguyên và Môi trường; Dân tộc; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Du lịch; Quản lý đô thị; Lưu trữ; Thông tin và Truyền thông theo các dự án trong Đề án xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025.

- Triển khai thực hiện hiệu quả việc cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025 theo Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh.

- Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức: Hoàn thiện chức năng tái sử dụng tài liệu số hóa hồ sơ, giấy tờ trong Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hậu Giang. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dùng tái sử dụng hồ sơ, giấy tờ đã được số hóa, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của Tỉnh.

- Thực hiện kết nối đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã triển khai của Tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các bộ, ngành Trung ương triển khai bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông các cấp thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đồng thời tuân thủ theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh (*phiên bản 2.0*), các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Nền tảng số

- Tiếp tục phát huy các nền tảng số Tỉnh đang triển khai áp dụng⁽⁷⁾.

- Triển khai ứng dụng nền tảng trợ lý ảo thuộc 3 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

⁽⁷⁾ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh; Nền tảng hợp tác trực tuyến thể hệ mới; Nền tảng giám sát dữ liệu trực tuyến; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức; Nền tảng điện toán đám mây; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC).

- Xây dựng Hệ thống lấy ý kiến điện tử của tỉnh Hậu Giang với nền tảng Blockchain.

- Nâng cấp Ứng dụng di động Hậu Giang, kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thiết kế một số chức năng của Ứng dụng di động Hậu Giang trên nền tảng Zalo.

6. Nhân lực số

- Tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

- Tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ chuyên đổi số, phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

7. An toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ các hệ thống thông tin quan trọng được xác định cấp độ an toàn thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đạt 100%.

- Tỷ lệ thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ đạt 100%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- Triển khai giám sát, đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin của Tỉnh theo mô hình 4 lớp.

8. Chính quyền số

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của Tỉnh; 100% báo cáo Chính phủ định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trực tuyến đạt 90%.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ 80%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước đạt từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên 60%.
- Tỷ lệ hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có thu phí của dịch vụ công (*Bao gồm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh*) 30%.
- Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số TTHC có thu phí (*Bao gồm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh*) 60%.
- Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn 95%.
- Kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia 100%.
- Phân đầu 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

9. Kinh tế số

- Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.
- Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng lao động điện tử đạt 80%.
- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.
- Khuyến khích, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

10. Xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Trên cơ sở chia sẻ những câu chuyện chuyển đổi số thành công được Bộ Thông tin và Truyền thông cập nhật thường xuyên tại Cổng Thông tin điện tử về làng số tại địa chỉ langso.dx.gov.vn và tình hình thực tế, mỗi địa phương phấn đấu triển khai xây dựng thí điểm “Làng số” tại đơn vị.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ chuyển đổi số; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác quản lý.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về chính quyền số, trong đó chú trọng tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hội thi trực tuyến trong đó nội dung sử dụng các ứng dụng CNTT như Cổng dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến,... Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ của chính quyền số cung cấp bằng các phương pháp trực quan, sinh động, gần gũi, dễ hiểu, dễ làm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, các cơ quan truyền thông của Trung ương và địa phương); phát huy vai trò của các nền tảng mạng xã hội (Zalo OA, facebook...) là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền qua hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số; tuyên truyền qua các hội thi, hội diễn...

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp số triển khai hạ tầng, dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số tại Tỉnh.

- Phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua hệ thống bưu chính công ích; tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn, Voso.vn và kết nối với các nền tảng thương mại điện tử lớn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số và tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng xây dựng chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

- Tổ chức tuyên truyền cho các doanh nghiệp các nền tảng số áp dụng cho doanh nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Tỉnh tiếp tục triển khai cung cấp chữ ký công cộng cho người dân.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như: Điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) vào triển khai chính quyền số.

- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ người dân.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số tại các xã, phường, thị trấn với nòng cốt là cán bộ phụ trách CNTT, có sự tham gia của lực lượng Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, CNTT tại địa phương; tham gia mạng lưới công nghệ số cộng đồng toàn quốc.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các sở, ngành, địa phương về chuyển đổi số, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước.

- Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho mạng lưới công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số và khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Đào tạo, tập huấn, phổ cập các kiến thức về CNTT cho công chức, viên chức tại các xã, phường, thị trấn trong Tỉnh.

- Tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Tỉnh.

- Phát huy tối đa vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Tăng cường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của Tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước.

- Phối hợp với Hội Tin học thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Đính kèm các Phụ lục)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang

- Tham mưu UBND tỉnh trong việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả cao, đảm bảo thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ đề ra.

- Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn Tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai Kế hoạch, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Định kỳ hàng năm thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn Tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối bố trí vốn cho các dự án để thực hiện Kế hoạch, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

5. Sở Nội vụ

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT và nâng cao trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong kế hoạch hàng năm của Tỉnh; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước với nhiệm vụ cải cách hành chính của Tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của cơ quan, đơn vị và địa phương mình; ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch sau khi phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch chung của Tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển của ngành và địa phương.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền Thông;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.HQ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đồng Văn Thanh

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nhận thức số			
1.	Đa dạng các hình thức thông tin tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về nhận thức số	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã (Tổ Công nghệ số cộng đồng)		Thường xuyên
II	Thể chế số			
2.	Xây dựng chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở TT&TT; Sở Tư pháp	Quý III/2024
3.	Xây dựng chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh	Quý I/2024
4.	Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở KH&ĐT	Sở TT&TT; Sở Tư pháp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Quý III/2024
III	Hạ tầng số			
5.	Rà soát thông tin về hộ gia đình chưa có điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh (đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo), đề nghị hỗ trợ điện thoại thông minh từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nguồn tài trợ hợp pháp khác	Sở TT&TT	Sở LĐT&XH; UBND cấp huyện	Tháng 10/2024

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
IV	Dữ liệu số			
6.	Triển khai thực hiện hiệu quả việc cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025 theo Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh	Định kỳ hàng tháng theo Kế hoạch số 210/KH-UBND
V	Nhân lực số			
7.	Tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho các bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Tháng 11/2024
8.	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng an toàn thông tin; bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng ấp, khu vực	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Tháng 10/2024
VI	An toàn thông tin mạng			
9.	Tỷ lệ các hệ thống thông tin quan trọng được xác định cấp độ an toàn thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đạt 100%.	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Trước 30/6/2024
10.	Tỷ lệ thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ đạt 100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Trước 30/6/2024
11.	100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
VII	Chính quyền số			
12.	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Quý IV/2024
13.	100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của Tỉnh; 100% báo cáo Chính phủ định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Định kỳ (Tháng/quý/năm)
14.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trực tuyến đạt 90%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
15.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ 80%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
16.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước đạt từ 90% trở lên	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
17.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên 60%	Sở TT&TT		Quý II/2024
18.	Tỷ lệ hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có thu phí của dịch vụ công (Bao gồm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hậu Giàn) 30%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
19.	Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính có thu phí (<i>Bao gồm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh</i>) 60%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
20.	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn 95%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
21.	Kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia 100%	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Định kỳ đánh giá hàng tháng
22.	Phần đầu 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương	Tháng 12/2024
VIII	Kinh tế số			
23.	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%	Cục Thuế tỉnh	Sở KH&ĐT; STT&TT; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Tháng 12/2024
24.	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng lao động điện tử đạt 80%	STT&TT	Sở KH&ĐT; Cục Thuế tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Tháng 12/2024
25.	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	Sở TT&TT	Sở KH&ĐT; Cục Thuế tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Tháng 12/2024

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
26.	Khuyến khích, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương		Thường xuyên
IX	Xã hội số			
27.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Tháng 12/2024
28.	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hậu Giang và các ngân hàng trên địa bàn tỉnh; Viettel Hậu Giang; VNPT Hậu Giang	Tháng 12/2024
29.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%	Sở TT&TT	Các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh	Tháng 12/2024
30.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%	Sở TT&TT	Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương	Tháng 12/2024
31.	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%	Sở TT&TT	Các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh	Tháng 12/2024

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
32.	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%	Sở TT&TT	Các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh	Tháng 12/2024
33.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện		Thường xuyên
34.	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%	Sở GD&ĐT	Sở LĐTB&XH; các cơ sở giáo dục và đào tạo	Tháng 12/2024
35.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%	Sở GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục và đào tạo	Tháng 12/2024
36.	Xây dựng thí điểm “Làng số”	UBND cấp huyện	Sở TT&TT và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2024

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
1.	Hệ thống các thiết bị phục vụ cho đô thị thông minh	Hệ thống bao gồm: camera, màn hình led..., để quản lý, giám sát an ninh trật tự,...tại các đô thị thông minh (Ưu tiên: Thành phố Vị Thanh)	Sở TT&TT	2023-2025
2.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Nông nghiệp, ứng dụng IoT, quản lý mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc..., nhằm nâng cao chất lượng, giá trị nông sản, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí	Sở NN&PTNT	2023-2025
3.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Hậu Giang	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Giáo dục nhằm nâng cao chất lượng công tác dạy và học cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: học sinh, phụ huynh học sinh, nhà trường, giáo viên...	Sở GD&ĐT	2023-2025
4.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Tài nguyên và Môi trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp	Sở TN&MT	2023-2025

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
5.	Nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số, xã hội số của tỉnh	Mua máy chủ và bản quyền một số phần mềm hệ thống tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; Xây dựng Hệ thống lấy ý kiến điện tử của tỉnh Hậu Giang; Nâng cấp Ứng dụng di động Hậu Giang, kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thiết kế một số chức năng của Ứng dụng di động Hậu Giang trên nền tảng Zalo	Sở TT&TT	2023-2025
6.	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Hậu Giang	Phục vụ mục tiêu chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh	Ban Dân tộc	2023-2025
7.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và Xã hội	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp	Sở LĐTB&XH	2023-2025
8.	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh	Nâng cấp hạ tầng, phần cứng, phần mềm tại Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo chức năng sao lưu dự phòng cho các hệ thống, ứng dụng, phần mềm dùng chung của Tỉnh	Sở TT&TT	2023-2025
9.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hậu Giang	Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Y tế, kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành y tế, giúp người dân tiện ích hơn trong khám chữa bệnh và tiếp cận các dịch vụ y tế	Sở Y tế	2023-2025

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
10.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Du lịch tỉnh Hậu Giang	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất ngành Du lịch nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, chất lượng công tác tuyên truyền, quảng bá, thu hút khách du lịch đến Hậu Giang	Sở VHTT&DL	2023-2025
11.	Nâng cấp hệ thống dữ liệu mở (Open Data)	Mở rộng, bổ sung đầy đủ các dữ liệu cần thiết nhằm hỗ trợ người dân có thể truy cập dữ liệu của các cơ quan nhà nước dễ dàng, thuận tiện	Sở TT&TT	2024-2025
12.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị	Xây dựng các ứng dụng và cơ sở dữ liệu thống nhất về đô thị nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý nhà nước về đô thị	Sở Xây dựng	2023-2025
13.	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định	Ứng dụng các công nghệ 4.0 trên dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định của Lãnh đạo tỉnh trong việc quản lý điều hành, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.	Sở TT&TT	2024-2025
14.	Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ	Thực hiện việc số hóa các văn bản giấy (chưa được số hóa) của các sở, ngành, địa phương được lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh nhằm lưu trữ điện tử và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng văn bản của tỉnh	Sở Nội vụ	2023-2025

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
15.	Xây dựng mạng diện rộng của tỉnh (WAN)	Đảm bảo tốc độ cao, ổn định và an toàn cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh như: Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống quản lý văn bản,...	Sở TT&TT	2024-2025
16.	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Thông tin và Truyền thông	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ ra quyết định trong ngành Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	2024-2025
17.	Xây dựng hệ thống thông tin chuyển đổi số ngành Công Thương	- Tạo lập cơ sở dữ liệu: Chuẩn hóa dữ liệu, biểu mẫu báo cáo,... - Hệ thống số hóa quy trình xử lý các thủ tục hành chính, Quản lý dữ liệu ngành Công Thương, Báo cáo thống kê, Quản lý kết nối chia sẻ dữ liệu,...	Sở Công Thương	2023-2025